**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014**

**Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng**

**TẬP 93**

Các vị pháp sư, các vị đồng tu, xin mời ngồi!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 319, hàng thứ tư, Khoa đề: “**thị giáo**”. Cái mục này là “**Thọ ký Phật hộ**” được chia thành bốn mục nhỏ, thứ nhất là “***Thọ ký***”, chúng ta đã học rồi. Bây giờ, thứ hai là “***Thị giáo***”.

Mời xem kinh văn: “**Vì dạy Bồ Tát mà làm A xà lê**”. Mời xem Chú giải của Niệm Lão, hai câu kinh này nằm trong bản Đường dịch. A xà lê là Phạn ngữ “***được dịch là giáo thọ***”; dịch thành ý nghĩa Trung văn, nghĩa là “giáo thọ”, “***cũng dịch là quỹ phạm sư***”. *Quỹ* là quỹ đạo, phạm là mô phạm. Tư tưởng, ngôn hành của vị thầy này đều có thể làm gương cho học trò, chúng ta gọi vị thầy đó là A xà lê. Cho nên, A xà lê “***là bậc khuôn phép về chánh hạnh, là tiếng tôn xưng bậc mô phạm cho chúng Tăng***”. Làm bậc điển hình, mô phạm cho người xuất gia, người Ấn Độ tôn xưng là A xà lê.

Phía sau có nói: “**Trong kinh này, nếu nói theo ý câu lên địa vị Quán Đảnh, thì A xà lê là bậc A xà lê chỉ dạy chân ngôn**”. Trong bộ kinh này, từ câu “***Lên địa vị Quán Đảnh***”, y theo cái này mà nói, đây là lời chuyên môn chỉ cho Mật tông. A xà lê của Mật tông “***cũng gọi là Kim Cang A xà lê, do vị này kế tục địa vị Tổ sư Kim Cang Tát Đỏa. A xà lê là tiếng tôn xưng bậc truyền pháp Quán Đảnh***”. Kim Cang Tát Đỏa là hóa thân của Bồ Tát Phổ Hiền, vì thế Mật tông đối với ngài Văn Thù, Phổ Hiền đặc biệt tôn trọng. Đây là thừa truyền, đời đời thừa truyền Tổ vị, cũng được xưng là truyền pháp Quán Đảnh. “**Dạy Bồ Tát**” có rất nhiều ý nghĩa hàm chứa trong câu này. Ai dạy cho Bồ Tát? Những vị Bồ Tát này toàn là Pháp thân Bồ Tát, trên kinh Hoa Nghiêm nói là bốn mươi mốt vị Pháp thân Đại sĩ, đây là cảm. Như Lai trong cõi Thường Tịch Quang, các ngài liền có ứng. Bồ Tát của cõi Thật Báo là cảm, Như Lai của cõi Thường Tịch Quang tự nhiên liền có ứng, cảm ứng Đạo giao. Hiện báo thân, cũng trú ở cõi Thật Báo, mới có thể giúp cho Bồ Tát trong cõi Thật Báo sớm ngày chứng đắc cứu cánh viên mãn. Thế giới Cực Lạc, chúng ta thấy trong kinh điển. Như Văn Thù, Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm, Đại thừa giáo, bất luận là tông phái nào không ai là không tôn trọng, không ai là không kính ngưỡng đối với hai vị này.

Thế giới Hoa Tạng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong đó có Đẳng Giác Bồ Tát. Thế Tôn trong hội Hoa Nghiêm nói với chúng ta: Văn Thù, Phổ Hiền thống lãnh bốn mươi mốt vị Pháp thân Đại sĩ của Thế giới Hoa Tạng. Đến Tây phương Thế giới Cực Lạc, theo A Di Đà Phật học tập. Bồ Tát của Báo Độ có cần phải như vậy không? Điều đó chứng tỏ rằng, Báo Độ của Thế giới Cực Lạc thù thắng hơn so với Báo Độ của mười phương thế giới. Rất có khả năng ở Thế giới Cực Lạc, thành Phật sẽ tương đối nhanh hơn vì không có chướng ngại. Nếu như không có những lợi thế này, các ngài chẳng cần phải đến Thế giới Cực Lạc tham học làm gì. Vì thế, Thế giới Cực Lạc rất náo nhiệt. Ngoại trừ mỗi ngày có người vãng sanh khắp mười phương thế giới, số người vãng sanh này không thể đếm xuể, quá nhiều rồi. Ngoại trừ họ ra, còn có một số chúng đại Bồ Tát do Văn Thù, Phổ Hiền dẫn đầu đến Tây phương Thế giới Cực Lạc tham học; số lượng những vị này cũng không thể tưởng tượng nổi. Chúng ta có thể lãnh hội được, đại đạo tràng của Thế giới Cực Lạc, đạo tràng này là Pháp tánh độ. Pháp tánh độ thì “***kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội***”, trong thế giới này, không có thời gian lẫn không gian. Không có không gian, tức là không có khoảng cách; không có thời gian, tức là không có trước sau. Diệu tuyệt, chúng ta quả thật vô phương tưởng tượng. Sự kỳ diệu của thế giới này, trong ấy có những chuyện kỳ diệu phát sinh, Bồ Tát nhanh chóng thành Phật.

Chúng ta xem tiếp phần văn bên dưới: “**Tương ứng**”, tương ứng làm sao? “**Thường tu tập vô biên, hạnh tương ứng thành thục, Bồ Tát vô biên thiện căn**”, đây là kinh văn. Chúng ta lại xem Chú giải: “**Tương ứng nghĩa là khế hợp, như: Tam mật tương ứng** (Tam mật là thân, khẩu, ý), **cảnh trí tương ứng v. v. . .** ”. Mật tông “***lấy ý chỉ ‘Tam mật tương ứng’ làm điều cốt lõi, ngõ hầu ba nghiệp thân, khẩu, ý của chúng sanh, mau chóng khế hợp với Tam mật của Như Lai, cho nên thành Phật ngay nơi thân này***”. Cho nên, Mật tông còn gọi là Tương Ứng tông; Tam mật là cái mà chư Phật Như Lai chứng đắc được. Chúng ta ở đây tu học liệu có đạt được không? Xã hội hiện thời, toàn bộ quả địa cầu này làm giả, bắt chước rất nhiều. Cái gì cũng giả được, nhất là đồ ăn thức uống. Những người còn ăn được đồ thật, người này đúng là có đại phước báu. Nhưng phần đông mọi người ăn toàn là đồ giả, ngay cả nước khoáng cũng không sạch sẽ. Đây là do nguyên nhân gì? Vì con người đã không còn quan niệm về đạo đức nữa. Thời xưa, người ta còn nói về cái đạo để phát tài, bây giờ hết rồi, bây giờ sanh tài thì thiếu đức. Lấy đâu ra đạo? Còn Phật môn chúng ta thì sao? Cái này thì bản thân chúng ta biết. Cổ đại đức vẫn thường nói, lễ nhạc không còn thì Nho cũng mất; giới luật không còn thì Phật cũng tiêu; nhân - quả không còn thì đạo cũng tan. Xã hội hiện thời đều đã không còn ba thứ này.

Lần này Trung nguyên chúng ta tổ chức Pháp hội Tế Tổ, có khoảng năm ngàn người tham gia. Chúng ta dùng lễ của người xưa, cổ lễ của triều Thanh, y phục mặc cũng là của nhà Thanh. Sau khi Dân quốc được thành lập thì không còn duy trì chế độ lễ nhạc này nữa, khiến cho xã hội một phen rối rắm. Có lễ có nhạc, xã hội này sẽ bước vào một quỹ đạo có trật tự. Xã hội như vậy trong lịch sử có ghi lại, được gọi là thời kỳ đại trị. Nếu như không có lễ, không có nhạc tức là loạn thế. Dân quốc thành lập đến nay được hơn một trăm năm, đó là loạn thế. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, tuy rằng xã hội động loạn nhưng mỗi một nước nhỏ vẫn có nhạc. Chúng ta trong luận ngữ, trong sách Mạnh Tử xuất hiện thời kỳ Xuân Thu, là bởi vì vua của các nước chư hầu đã không còn tôn trọng đối với Thiên tử nhà Chu; không còn nghe lời vua Chu nữa, bắt đầu mạnh ai nấy làm. Vì thế, có lễ nhưng dần dần cũng bị biến chất. Trung Quốc trong năm ngàn năm lịch sử này, bất kỳ một triều đại nào, sau khi thiết lập chính quyền trong vòng năm năm là cho thiết lập lễ nhạc. Nhờ đó, xã hội liền đi vào quỹ đạo. Chỉ có cái lần này, hơn một trăm năm không còn lễ nhạc. Do nguyên nhân gì? Do phần tử tri thức cho rằng, những chế độ truyền thống Trung Quốc là nguyên nhân tạo nên một Trung Quốc nghèo nàn, tai nạn. Chịu mọi sỉ nhục, nên mọi thứ đều trút hết trách nhiệm lên những chế độ này của Trung Quốc, kỳ thực sai rồi.

Chế độ Trung Quốc tốt nhưng do không có nghiêm chỉnh chấp hành, vấn đề chính bởi do đây mà ra, chứ không phải nằm ở chế độ. Chúng ta đem chế độ này bỏ qua mất, mới tạo thành kết quả như ngày hôm nay; khiến cho toàn bộ dân tộc mất đi lòng tự tin, mới dẫn đến tình hình hỗn loạn khủng khiếp như vậy. Tiên sinh Tôn Trung Sơn nói rất hay, cái này là nhờ ông ban đầu đi du học ở nước ngoài. Nên ông đều am hiểu đối với Trung Quốc và nước ngoài, ông thật sự nghiêm túc học tập cả hai. Trong “Tam dân Chủ nghĩa, Dân tộc Chủ nghĩa”, trong điều thứ tư có nói, có một đoạn, ông nói rằng: “*Nước ngoài ngoại trừ cơ khí, máy móc, khoa học kỹ thuật là có phần mạnh hơn chúng ta, chúng ta không bằng họ. Còn những cái khác, không một thứ nào có thể sánh với Trung Quốc*”, nói thật hay!

Hoàn toàn giống như những gì mà tiến sĩ Thang Ân Tỷ đã nói. Ông là người nước Anh, cả đời chuyên nghiên cứu lịch sử văn hóa, ông tám mươi lăm tuổi thì mất. Những năm cuối đời sau tám mươi tuổi, ông vô cùng tán thán văn hóa truyền thống Trung Quốc. Ông cho rằng, đây là nền văn hóa tốt nhất trên toàn thế giới. Muốn cứu vãn xã hội, trước mắt cũng như trong tương lai, ông nói chỉ có học thuyết Khổng - Mạnh của Trung Quốc, cùng với Phật Pháp Đại thừa. Đây là người ngoại quốc nói, người Trung Quốc chúng ta lại không cần đến văn hóa truyền thống của chính mình. Rồi đạp đổ cả thành trì lễ giáo của Khổng Tử, tiêu diệt Phật Pháp, nói rằng mấy thứ này là mê tín; đây là di vật của chế độ phong kiến, nên ngay cả gốc cũng nhổ sạch. Người nói những lời ấy, làm những chuyện ấy, đó là do không có chút hiểu biết nào. Đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc, đối với Phật Pháp Đại thừa, họ không biết, chưa từng nhìn thấy qua. Xem thấy biểu hiện trên bề mặt của “Nho, Thích, Đạo” ngày hôm nay đều là mê tín, hủ bại.

Xưa kia, năm tôi hai mươi sáu tuổi, tiên sinh Phương Đông Mỹ đem triết học Phật giáo giới thiệu cho tôi. Phải nói là tôi cực kỳ nghi ngờ, tôi nói: “*Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, nó làm sao có triết học được?*” Thầy nói với tôi, thầy bảo: “*Anh còn trẻ, anh không hiểu. Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới; triết học kinh Phật là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới; học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người*”. Tôi tin lời thầy, thầy tuyệt đối không bao giờ gạt tôi. Thầy là một người thầy tốt, đã từng có một lần thầy nói với tôi, thầy bảo: “*Anh muốn học Phật, Phật giáo bây giờ không có ở trong chùa*”. Tôi hỏi: “*Vậy thì ở đâu?*”. “*Là ở trong kinh điển*”, Lời chỉ bảo này vô cùng quan trọng. Nếu như tôi một khi nhìn thấy trong Phật giáo, người xuất gia này không ra người xuất gia, không tương ứng, tôi liền sẽ hoài nghi. Nên thầy trước hết là nói rõ với tôi, người xuất gia vào hai trăm năm trước đều là chuyên gia học giả, có đạo đức, có học vấn. Thậm chí những người làm quan lớn trong xã hội thời đó, những người đứng đầu của một vùng, Khi gặp phải vấn đề không thể giải quyết được, đều sẽ đi thỉnh giáo với người xuất gia, vì họ thật sự có trí huệ.

Bây giờ thì thế nào? Hai trăm năm nay, người xuất gia không học kinh giáo. Có một số kinh điển dùng để đối đáp với người đời thì họ biết niệm, còn những kinh điển không cần thiết trong giao tế thì không xem. Đến xem cũng không xem, những kinh họ xem thì ý nghĩa của số kinh ấy họ cũng không hiểu. Đây là lời mà Lão sư Phương đương thời đã nói với tôi, nói tôi nếu thật sự muốn học thì học trong kinh. Kinh điển thuở đó vô cùng khan hiếm, tiệm sách không có bán, chỉ trong chùa mới có. Vì chùa có tàng kinh lâu, có thư viện, có một bộ phận có thể mượn được ra ngoài. Có phần thì không thể mượn, chỉ có thể đọc ở duyệt lãm thất của họ. Lúc đó chưa có photocopy, chúng tôi chỉ có thể tự mình chép kinh. Cho nên, cứ chủ nhật mỗi tuần được nghỉ, hơn một nửa thời gian tôi đều ở tàng kinh lâu chép kinh. Giờ cũng đã sáu mươi năm rồi, sáu mươi năm nay khoa học phát triển, kỹ thuật in ấn cũng đặc biệt phát triển.

Bạn nói xem, ví dụ giờ tôi muốn mua một bộ Tứ Khố Toàn Thư nhà sách này, “*Anh in cho tôi một bộ*”, họ thật sự sẽ in cho bạn một bộ. Dù chỉ in một bộ họ cũng sẽ in cho bạn, chuyện này trước kia là không thể nào, tối thiểu phải in ba trăm bộ thì họ mới có thể gom đủ vốn được. Ba trăm quyển, thế thì rất đắt, thông thường một ngàn quyển thì giá của nó lại rẻ, vấn đề là vậy. Một ngàn quyển này có thể bán hết hay không, sách này có được mọi người chào đón không, họ đều phải cân nhắc. Nếu như chúng ta nhờ họ in một ngàn bộ, họ rất thích. Cho nên thuở đầu chúng tôi in kinh, có ước định với nhà sách: “*Anh in một ngàn bộ thì tôi mua ba trăm bộ*”. Đại khái chi phí của ba trăm bộ, họ coi như có thể hoàn vốn rồi. Sau này nếu họ bán được một bộ thì kiếm thêm được một bộ, ba trăm bộ đã có thể thu hồi vốn rồi. Họ sợ không tiêu thụ hết nên không dám in, vì lẽ đó chúng ta thấy hai chữ “tương ứng” này.

“Thân, khẩu, ý” của chúng ta có giống với Đức Phật không? Phật Đà chính là mô phạm, là hình mẫu của chúng ta. Cả đời Đức Phật không bao giờ vọng ngữ. Hay nói cách khác, Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện trong cuộc sống đời thường của Ngài, đều biểu hiện một cách viên mãn. Có như vậy mới có thể bước vào cửa Phật, mới có thể Quy y Tam Bảo. Bạn xem, Tịnh nghiệp Tam phước là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong sự tu tập của chúng ta. Điều thứ nhất: “***Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp***”. mười sáu chữ này chúng ta đã làm được hay chưa? Nếu như chưa làm được thì không thể bước vào cửa Phật. Bạn muốn thọ Tam quy, làm đệ tử Phật, hiện nay nói là làm tín đồ Phật giáo. Không có bốn câu này, người ta không cho bạn thọ đâu. Còn bây giờ không có bốn câu này, người ta cũng đều chấp nhận, thế thì không tương ứng. Chúng tôi vì để cứu vãn, để bù đắp nên mới bù vào, cụ thể là áp dụng vào Đệ Tử Quy, “Hiếu thân Tôn sư” được giảng ở phần trước, áp dụng nơi Đệ Tử Quy; “Từ tâm bất sát” áp dụng vào Cảm Ứng Thiên; “Tu Thập Thiện Nghiệp” áp dụng vào Thập Thiện Nghiệp Đạo kinh. Chúng ta dùng “Nho, Thích, Đạo”, Đệ Tử Quy là của nhà Nho; Cảm Ứng Thiên là của Đạo gia; còn Thập Thiện Nghiệp Đạo kinh là của nhà Phật. Đây là giáo trình nhập môn, phải đạt được tiêu chuẩn bước vào cửa.

Chúng ta cầu thọ Tam quy, chân thật là đệ tử Phật, đây không hề giả. Suốt cuộc đời của một người đệ tử Phật phải nắm chắc lấy Tam quy, nhất định không để mất. Tôi thọ Tam quy là ở trước mặt Chương Gia Đại sư. Tôi theo Ngài ba năm, năm đầu thì không có thọ; đến năm thứ hai mới Quy y, hành lễ Quy y. Đại sư nói với tôi, Ngài lấy ví dụ: Quy y giống như bạn từ Đài Bắc ngồi xe lửa đến Cao Hùng. Tam quy là cái gì? Chính là tấm vé, bạn phải thường giữ bên mình vì lúc lên xe người ta sẽ kiểm tra. Giữa đường người ta cũng có thể kiểm tra, khi đến trạm cuối cùng người ta sẽ thu hồi về lại. Ngài nói Tam quy giống như vé xe vậy, từ sơ phát tâm cho đến viên mãn thành Phật, mỗi thời mỗi khắc đều không thể để nó rời khỏi mình, nó là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất. Quy y Phật, Phật có nghĩa là gì? Là giác ngộ, giác mà không mê; Quy y Pháp, Pháp là chánh tri chánh kiến, chính là những gì được nói trong kinh điển. Chúng ta từ “tà tri tà kiến” quay về với “chánh tri chánh kiến”, dùng kinh điển làm “chánh tri kiến” để uốn nắn lại “tà tri kiến” của chúng ta. Cái gì không tương ứng với điều được giảng trong kinh thì gọi là “tà tri tà kiến”, cái này quan trọng. Phật Đà tại thế, Phật là người thầy thì mời Phật đến khai đạo, khi Phật không còn thì Pháp chính là y cứ để chúng ta tu hành. Phật tại thế, Tam Bảo thì Phật được xếp ở vị trí thứ nhất, Pháp thứ hai. Phật không còn, thì Pháp được xếp thứ nhất, Phật là thứ hai. Tượng Phật bằng sứ, bằng gỗ chỉ là để chúng ta kính ngưỡng. Nhìn thấy tượng Phật đồng như Phật còn tại thế để chúng ta cung kính cúng dường. Tăng là người xuất gia, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần.

Hôm nay, chúng ta nhìn thấy người xuất gia, đừng phê bình họ. Họ như pháp hay không như pháp, đó là chuyện của cá nhân họ, họ có nhân - quả của riêng họ. Chúng ta thấy hình tượng người xuất gia, liền nghĩ ngay đến sáu căn thanh tịnh, một trần chẳng nhiễm. Ta phải học tập theo họ, thế thì đúng rồi. Cho nên, ba điều này “Giác, Chánh, Tịnh” gọi là tự tánh Tam Bảo. Chân thật Quy y là Quy y tự tánh Tam Bảo, chứ không phải Quy y hình tướng. Hình tướng là biểu pháp, tác dụng của nó là để nhắc nhở chúng ta. Nhìn thấy tượng Phật liền nhớ đến tự tánh giác, nhìn thấy kinh sách thì nhớ đến tự tánh chánh, nhìn thấy người xuất gia thì nhớ đến tự tánh thanh tịnh. Cái này tốt! Nếu không có những điều này nhắc nhở thức tỉnh, chúng ta sẽ thường quên đi. Cho nên, công đức Tam Bảo trụ thế chính là nằm ở chỗ này. Nhưng nếu như người xuất gia là người thật sự am hiểu kinh giáo, thật sự làm tấm gương tốt cho người tu hành, làm biểu pháp, họ sẽ khởi lên tác dụng biểu pháp. Còn nếu như chỉ là một đại chúng bình thường, có thể không khởi lên được tác dụng này.

Thông thường đại chúng, nếu người này là người xuất gia vô cùng tuân thủ giới luật, họ sẽ cung kính bạn, vì đây là một người tốt chứ không phải người xấu. Nếu như là người không giữ giới luật mà nói, người ta liền phỉ báng ngay. Người đó hủy báng rồi tạo thành nghiệp, cái nghiệp này ai sẽ chịu trách nhiệm? Người xuất gia chịu trách nhiệm, sự việc này rất phiền phức. Người xuất gia không giữ thanh quy, khiến những người này hủy báng Phật Pháp. Người xuất gia sẽ tạo nên cái nghiệp gì? Là tội diệt pháp, quả báo của tội diệt Phật Pháp là ở Địa ngục Vô Gián, là A Tỳ Địa ngục, bạn nói xem đáng sợ đến dường nào. Cho nên, người xuất gia không được tùy tiện.

Cả đời Ấn Quang Đại sư không dám thế độ cho bất kỳ ai, vì sao? Vì Ngài hiểu được: “*Tôi thế độ cho anh, mai này anh bại hoại gia phong Phật Pháp, anh đọa địa ngục thì vị thầy thế độ cho anh cũng phải chịu trách nhiệm, phải gánh lấy trách nhiệm nhân - quả. Tại sao anh lại thu nhận người đệ tử này làm chi? Thu nhận rồi, tại sao anh không dạy nó cho tử tế? Nhận rồi, nếu anh có thể dạy họ, lấy thân làm gương; họ không tuân thủ, họ phá giới thì đó là tội của họ, lão sư không có trách nhiệm gì trong đó cả. Còn nếu như thầy không làm tấm gương tốt cho học trò thấy, không có dạy dỗ đệ tử cho tốt, vậy thì thầy phải gánh trách nhiệm*”. Cả đời Ấn Quang Đại sư không dám thế độ cho ai, Ngài chỉ nhận học trò. Bạn đến học thì Ngài dạy cho bạn, chứ Ngài không có thế độ. Biểu pháp này của Ấn Tổ cũng là làm cho chúng ta xem.

Có rất nhiều người muốn xuất gia với tôi, muốn tôi thế độ cho họ nhưng tôi không dám, cái lý này nhất định phải hiểu. May ở chỗ chúng tôi giảng kinh dạy học, suốt năm mươi sáu năm chưa hề gián đoạn. Bạn không chịu học thì đó là chuyện của bạn; còn như bạn chịu học thì y theo kinh giáo tu học, bạn sẽ là một pháp sư tốt; đời này của bạn, đặc biệt là Pháp môn Tịnh độ, chắc chắn vãng sanh Tịnh độ. Có thể sanh về Tịnh độ thì công đức vô lượng, cho nên hai chữ “tương ứng” này vô cùng quan trọng. “Thân, khẩu, ý”, khởi tâm động niệm xem coi có giống với Phật không? Phật thì không khởi tâm, không động niệm. Phật tương ứng với hết thảy chúng sanh, tương ứng với chúng sanh thiện mà cũng tương ứng với chúng sanh ác. Ngài thảy đều biểu pháp thuần chánh cho họ, người thiện nhìn thấy rồi sẽ hoan hỷ theo Ngài học; mà kẻ bất thiện nhìn thấy sẽ đề cao cái tâm cảnh giác của họ, khiến họ sanh tâm hổ thẹn, thật sự có lòng sám hối. Sám hối là sửa lỗi, điều quan trọng nhất chính là sau không tái phạm, đây gọi là thật sám hối. Sau khi sám hối rồi vẫn còn tiếp tục làm, thế là sai rồi. Đó không phải thật sám hối, đó là lừa gạt Phật Bồ Tát. Cái quả này hết sức không tốt, không thể không biết. Ý của Như Lai, trong “thân, khẩu, ý” thì “ý” không còn; có A lại da mới có “ý”; Như Lai đã chuyển tám thức thành tứ trí. Như Lai nếu như nói, chẳng hạn như chúng ta nói khởi tâm động niệm, toàn là trí huệ, là trí huệ chân thật, là tự tánh bát nhã trí huệ. Nó soi chiếu khắp Pháp giới hư không giới, cái trí huệ này là Thường Tịch Quang; Thường Tịch Quang là biến chiếu Pháp giới.

Cho nên, Pháp thân Như Lai, tiếng Phạn gọi là Tỳ Lô Giá Na, nghĩa của Tỳ Lô Giá Na là quang minh biến chiếu. Quang minh biến chiếu chính là Pháp thân, Pháp thân không có hình tướng nhưng không thể nói nó không có. Tại sao? Vì nó có thể hiện tướng. Khởi tác dụng thì nó liền hiện tướng, không khởi tác dụng thì nó không có tướng. Cho nên, “***vô tướng vô bất tướng***”; vô tướng là thể, vô bất tướng là khởi tác dụng, vì vậy mới có tương ứng. Không tương ứng thì Bồ Tát không thể biết, tương ứng nên Bồ Tát liền biết. Những bậc Bồ Tát này liền đến hộ niệm, khiến cho ba nghiệp “thân, khẩu, ý” của chúng ta “***mau chóng khế nhập với Tam mật của Như Lai, cho nên thành Phật ngay nơi thân này. Vì vậy, Mật tông còn gọi là Tương Ứng tông. Câu này và câu lên địa vị Quán Đảnh ở trên, biểu thị sâu xa ý chỉ ‘Tịnh - Mật chẳng hai’***”. Câu Phật hiệu này hàm chứa vô lượng nghĩa, đây là Mật. Phật nói rất rõ, duy chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu đến rốt ráo; từ Đẳng Giác trở xuống thì giống như ngắm trăng cách bởi một tấm màn. Tấm màn này được kết bằng những sợi tơ rất mảnh, tựa như xuyên thấu vậy. Sợi tơ rất mảnh, giống như hàng tơ lụa, cách một tấm màn mà nhìn trăng, có nhìn thấy không? Thấy khá là rõ, nhưng chỉ là vẫn luôn có một cái chướng ngại.

Hôm nay, chúng ta đeo kính nhìn cảnh giới bên ngoài, vẫn là cách một lớp lưu ly chứ không phải thấy 100%, thật sự hoàn toàn không có chướng ngại. Trên kinh Đại thừa cũng nói rất rõ, có thể tin được. Phật thường nói là từ Bát địa trở lên, các ngài nhìn thấy thật tướng. Còn từ Thất địa trở xuống, Sơ trụ Viên giáo, hơn ba mươi vị Pháp thân Đại sĩ, các ngài nhìn thấy có vẻ còn khá mờ ảo mông lung, giống như đang ở trong sương mù vậy. Địa vị càng cao thì nhìn càng rõ hơn một chút; địa vị càng thấp thì nhìn thấy càng mờ nhưng họ nhìn thấy, chứ không phải không thấy. Tam Thừa Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác hoàn toàn chẳng thấy gì. Chỗ này của chúng ta có một cái quạt the, chỗ đó có một cái quạt the, có thể thấy nhưng bị cách một lớp. Ở vào thời xưa, độ thấu suốt này là cao nhất, biểu thị sâu sa Tịnh - Mật không hai. Một câu A Di Đà Phật là Thần chú, cùng với Thần chú của Mật tông không gì khác biệt; là Thần chú trong Thần chú, Hiển - Mật viên dung: “***Ngụ ý: các Đại sĩ trong Hội do hoằng truyền Mật thừa, do dạy dỗ các Bồ Tát thành Kim Cang A xà lê***”.

Có một số người vẫn chưa đến Thế giới Cực Lạc, nhưng họ đã chứng được quả vị này rồi. Là người thế nào vậy? Chính là chứng đắc lý nhất tâm bất loạn; sự nhất tâm bất loạn thì vẫn chưa đạt được quả vị này. Đến lý nhất tâm bất loạn mới đạt được. Hiển - Mật viên dung, Hải Hiền Lão hòa thượng biểu pháp cho chúng ta. Ngài làm gương, Ngài chỉ có một câu “A Di Đà Phật”, chín mươi hai năm không chuyển hướng. Không chuyển hướng là ý gì? Chính là “một môn thâm nhập”, một câu Phật hiệu niệm chín mươi hai năm, ngày đêm không nghỉ. Lúc ngủ say rồi thì buông niệm Phật xuống, tỉnh dậy lại tiếp tục niệm. Niệm đến lý nhất tâm, có thể nói là ngày đêm đều không gián đoạn. Ngài chứng được quả vị gì? Đương nhiên là quả vị cao nhất rồi, chính là lý nhất tâm bất loạn; lý nhất tâm bất loạn là Pháp thân Bồ Tát. Trong Pháp thân, chúng ta tin Ngài chứng được là Bồ Tát Địa Thượng, chứ không phải Tam Thừa. Tam Thừa là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, ba mươi vị thứ bên dưới gọi là Tam Thừa. Ngài không thuộc cái này, Ngài là chứng Bồ Tát bậc địa, có thành tựu xuất sắc như vậy. Ngài chưa học qua giáo nhưng toàn bộ Ngài đều biết; Mật, Ngài cũng chưa học bao giờ nhưng Ngài cũng biết. Quả thật, có lúc Ngài hiển lộ một chút tiểu thần thông; chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày có thể nhìn thấy, thật sự đắc đại tự tại.

Cho nên, “***bản thân luôn luôn tu tập, vô lượng vô biên hạnh tương ứng***”. Cũng tức là, nếu dùng lời của chúng ta mà nói, Lão hòa thượng khởi tâm động niệm, lời nói việc làm tương ứng với A Di Đà Phật. “*Thành thục Bồ Tát vô biên thiện căn; thiện căn là sự lành nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý; vững chắc chẳng thể lay động nổi*” thì gọi là căn. “***Thêm nữa, sự lành sanh ra diệu quả, sanh ra các điều lành khác nên gọi là căn***”, đây là ý nghĩa của từ “thiện căn”. Trong kinh giáo Đại thừa thông thường nói về thiện căn, tức là nói đến ba thiện căn của “thân, khẩu, ý”. Điều cuối cùng trong Mười Thiện là “không tham, không sân, không si” thì gọi là ba thiện căn. Trái lại, “tham, sân, si” thì gọi là ba độc. Tất cả những pháp bất thiện của thế gian đều là từ cái gốc “tham, sân si” mà ra. Xã hội hiện thời chính là mang bộ dạng như vậy, “tham, sân, si”. Còn hai thứ đi theo sau nữa là “ngạo mạn” với “hoài nghi”. Tam độc là câu sanh phiền não, nó từ đâu mà có? Từ một niệm bất giác mà sanh ra vô minh. Chính ngay lúc ấy, hình thành do A lại da biến hiện ra, từ A lại da biến hiện ra.

Thức thứ bảy, thức thứ sáu cùng với năm thức trước, ngã kiến được nói trong kinh Kim Cang chính là chỉ cho cái này. Cái này khó đoạn, đoạn được cái này rồi thì chính là Pháp thân Đại sĩ, tức là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Mặc dù chưa đạt đến trình độ này, nhưng họ có thể phá bốn tướng, kinh Kim Cang nói là “ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng”. Thật sự phá được bốn tướng này rồi, thì từ Tu Đà Hoàn là bắt đầu; đến A La Hán coi như viên mãn. Nhưng để phá bốn kiến này, là chuyện không hề đơn giản chút nào. Phá bốn kiến, Sơ trụ Bồ Tát của Viên giáo là bắt đầu phá; đến Đẳng Giác thì viên mãn, ngay cả tập khí cũng đoạn được hết rồi. Mạt na thức thứ bảy, thức thứ bảy là cái gì? Chính là “***tứ đại phiền não thường tướng tùy***”. Thức thứ bảy chính là bản chất của nó, chính là bốn thứ như vậy. Thứ nhất là ngã kiến, chứ không phải thân kiến. Họ không còn chấp vào thân nữa nhưng họ có ngã kiến; có ngã kiến, tức là thông thường mọi người hay nói là có linh hồn. Cái thân này không còn nữa, nhưng họ vẫn còn chấp vào có một cái ngã. Cái ngã này có hình dạng nhưng vô sắc; nó không phải vật chất, nó vẫn thuộc về sắc pháp. Người có một mức công phu thiền định tương đối có thể thấy được, như có một số người thông linh có thể nhìn thấy quỷ thần. Cái thân đó đều là thuộc về ngã kiến, nó không phải thân kiến. Người tu hành thường gọi là linh tánh, người bình thường chúng ta đều gọi là linh hồn. Họ chấp vào cái thứ này. Từ ngã kiến sanh ra ngã ái, ngã ái chính là tham.

Cho nên, ba độc phiền não thì cốt lõi của “tham” là gì? Là tình chấp, nó quan trọng hơn bất cứ cái gì. Có “ngã ái” liền sinh ra ngã mạn, kiêu căng ngạo mạn. “Mạn” là cốt cõi của “sân hận”, một cái sau cùng là “ngu si, ngã si”; cốt lõi của “ngã si” là gì? Là hoài nghi. Cho nên, Đức Phật bảo tư hoặc chính là năm thứ “tham, sân, si, mạn, nghi”. Muốn đoạn ba độc phiền não thì bắt đầu đoạn từ đâu? ***Từ dục vọng mà hạ thủ***. Trong dục vọng quan trọng nhất là ái dục, phải từ chỗ này mà hạ thủ. Đoạn sân hận thì phải bắt tay từ ngã mạn; học khiêm tốn, khiêm hư. Đoạn ngu si thì phải làm từ không hoài nghi, không hoài nghi là trí huệ. Cho nên, hoài nghi là gốc của si; ngạo mạn là gốc của sân hận; ái là gốc của tham (là gốc rễ của tham dục). Những thứ này chính là ba độc phiền não. Phải tìm cho ra bản chất của ba độc phiền não, chính là ái, mạn và hoài nghi. Vì thế, Thánh giáo gặp nhiều gian nan đối với giáo dục Thánh hiền; Phật Pháp Đại thừa quyết định không được có lòng nghi ngờ. Có nghi ngờ bạn làm sao có thể bước vào cửa được? Vì căn bản phiền não chưa được nhổ trừ.

Học tập kinh điển, kể cả bản thân chúng tôi trong đó. Hai, ba mươi năm trước, tôi có hoài nghi đối với kinh giáo không? Thật tình là có. Những chỗ không hiểu thì đâm ra hoài nghi; còn những chỗ hiểu được lại chưa chắc đã thật hiểu, tự mình cho rằng mình đã hiểu. Vì sao? Vì trí huệ chưa mở, tâm chưa có bình lặng. Để bước vào Thánh giáo, cần phải có “tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính”. Ba cái này chúng tôi đều chưa đạt tiêu chuẩn, làm sao có thể nhập môn được? Tôi theo ba vị thầy học tập, ba vị thầy này đều rất thích tôi. Tôi đã đạt đến tiêu chuẩn chưa? Bản thân tôi biết rất rõ, mình vẫn chưa. Lúc tôi đàm luận với mọi người, tôi từng nói “chân thành, cung kính”, tôi chỉ đạt được 30%; tôi không bằng các bậc tiền bối trước tôi một đời. Thế hệ trước chí ít có thể đạt đến 70% như thầy Phương Đông Mỹ, hay Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam (tức Lão sư Lý). Vì những người này, từ nhỏ đều được tiếp nhận qua sự huân tập, hun đúc từ truyền thống văn hóa. Cha mẹ Lão sư đều là tấm gương tốt nhất của họ. Còn chúng tôi thì không, thế hệ của chúng tôi sanh trong thời kỳ chiến loạn. Khi sự kiện Lư Câu Kiều ngày 7 tháng 7 nổ ra; tám năm kháng chiến bùng phát, năm đó tôi mười một tuổi, ra đời vào thời đại đó. Từ lúc chào đời cho đến khi Mãn Thanh mất nước,Trung Quốc bị quân phiệt chiếm đóng, không được thống nhất. Lúc đó, tôi còn quá nhỏ nên không biết. Cũng may sanh ra ở dưới quê, dưới quê không bị ảnh hưởng gì, do giao thông bất tiện, con người ai cũng đều rất thuần phác. Cho nên, tôi so với thế hệ trước, thế hệ trước có thể đạt 70%, còn tôi chỉ đạt 30%. Nhưng Lão sư vẫn nhận tôi, còn đặc biệt chiếu cố đến tôi. Vì lý do gì? Vì so với những đồng học trong trường thì tôi tốt hơn nhiều. Đồng học trong trường, đại khái chỉ có ba phần, năm phần; còn tôi có ba mươi phần, xem như cũng khá lắm rồi. Chính vì lý do như vậy, đây được xem vẫn còn vô cùng may mắn. Vùng đất nhỏ bé của chúng tôi, là căn cứ địa của phái Đồng thành; nơi vùng quê nhỏ bé này không có động loạn. Lúc quân phiệt chiếm đóng, nhưng vùng này không có chiến loạn. Tám năm kháng chiến, người Nhật cũng không có đến nơi này. Cái huyện lân cận thì có, còn cái huyện này thì không, cho nên vẫn có thể duy trì một cuộc sống bình yên.

Bởi vậy, trong chiến tranh có cái gọi là “***hữu kinh vô hiểm***”. Chúng ta học Phật có thể học được bao nhiêu, sẽ tỷ lệ với chữ “thành” này. Tức là, tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính của bạn có được bao nhiêu, thì bạn có thể được thọ dụng bấy nhiêu. Chúng ta tu hành, không thể không chú trọng đến “thân, khẩu, ý”. Tâm lượng phải lớn, nếu như tâm lượng chỉ nghĩ đến danh văn lợi dưỡng của bản thân, thì thành tựu đời này của người ấy vô cùng có hạn, rất nhỏ. Cho dù là làm quan lớn, phát được đại tài, cũng chỉ trong nháy mắt là trắng tay. Họ có thể hưởng thụ được vài chục năm, thọ mạng đến rồi, đó là do phước báu hưởng tận rồi; một thứ cũng không mang theo được, vẫn là trôi lăn trong vòng lục đạo luân hồi y như cũ.

Nghiệp mà họ đã gây, nghiệp bất thiện nhiều hơn nghiệp thiện, đời sau sanh vào ba đường ác; cõi người với cõi trời không có phần cho họ. Cái này là chân tướng sự thật, là chân tướng của nhân - quả. Chúng ta nhất định phải làm cho rõ ràng, minh bạch; chúng ta không thể đi con đường này được. Khởi tâm động niệm phải nghĩ đến tất cả chúng sanh khổ nạn; bản thân mình chịu khổ, vẫn có người khác còn khổ hơn ta. Chúng ta thấy mình chịu nhiều thiệt thòi, thực ra rất nhiều người còn thiệt thòi hơn ta. Chính ngay chỗ này mà tu nhẫn nhục Ba la mật; càng nghịch cảnh, càng ác duyên, chúng ta càng phải cảm ơn nghịch cảnh, cảm ơn ác duyên. Chúng bức bách chúng ta, để ý niệm cầu vãng sanh của chúng ta càng ngày càng mãnh liệt, coi như chúng tiễn chúng ta vãng sanh. Thế có tốt không? Tốt. Đối với những người này, không những không có lòng oán hận mà còn phải có lòng cảm ơn.

Bởi vậy, Hải Hiền Lão hòa thượng, trong tâm của Ngài, người nào cũng là người tốt, nhìn thấy ai cũng đều hoan hỷ, thấy việc gì cũng đều vui. Đó là do ý niệm chuyển đổi lại rồi, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên thảy đều là tăng thượng duyên cho mình; toàn là chuyện tốt chứ không có chuyện xấu. Nghịch cảnh, ác duyên sẽ khiến cho chúng ta đối với thế giới này không còn chút lưu luyến nào. Chuyện đó khó được biết mấy, liệu ai có được năng lực có thể nhổ sạch gốc rễ “tham, sân, si, mạn, nghi” của chúng ta chứ? Còn không phải là nghịch cảnh, với ác duyên đó sao! Thuận cảnh, thiện duyên, chúng ta cần phải có sự cảnh giác cao độ.

Thử nhìn lịch sử mà xem, từ xưa đến nay những người đại phú đại quý; những người cả đời đắc ý, sự giàu sang phú quý của họ về sau thì thế nào? Vua Đường Thái Tông ở trong lịch sử là một vị Hoàng đế tốt, là bậc minh quân. Ông dùng Quần Thư Trị Yếu để trị nước, bảo điển này hiện nay chúng ta thấy được rồi. Sau khi ông ấy chết đi bị đọa vào Địa ngục Vô Gián. Tại sao lại bị đọa vào Địa ngục Vô Gián vậy? Vì lúc chiếm đoạt chính quyền giết người quá nhiều. Cuối triều nhà Tùy, Tùy Dương Đế là một hôn quân vô đạo, vì thế anh hùng hảo hán khắp các nơi đều nổi dậy khởi nghĩa, tức là tạo phản để giành chính quyền. Lúc đó, Lý Thế Dân cũng tham gia vào. Ông bình định quần hùng, kiến lập nên triều nhà Đường. Bản thân lúc đó còn trẻ, mới có mười sáu tuổi là đã dẫn binh đánh trận, được mệnh danh là Thường Thắng Tướng Quân. Lúc đó, phụ thân của ông vẫn còn nên thỉnh cha ông lên làm vua, là bậc Đế vương khai quốc của triều Đường.

Nhưng trên thực tế, đất nước là do một tay ông giành về. Chúng ta biết khi ông hai mươi bảy tuổi, phụ thân bèn trao ngôi vị cho ông, phụ thân trở thành Thái thượng hoàng. Đại khái, cha ông rất bất mãn đối với ông. Được cả thiên hạ là một chuyện, vua cha rất hài lòng nhưng ông là người mà vua cha bất mãn nhất. Điều này đã làm ông tổn thương, thế là ông giết sạch anh trai với em trai của mình vì để tranh quyền đoạt lợi, giành ngôi vị, vì anh trai là Thái tử. Biến cố Huyền Vũ Môn là sự việc khiến cho phụ thân ông đau lòng nhất. Cha ông cực kỳ yêu thương đối với người con trai này, vì thế chúng ta cũng tin rằng vị vua cha đó, trong chín năm làm vua của mình cũng đã rất vất vả. Lý Thế Dân kế vị khi đó ông hai mươi bảy tuổi, ông biến đất nước thành một quốc gia an định, không có chiến tranh. Ông yêu cầu văn trị, vì bản thân ông đọc sách không nhiều.

Một nước lớn như vậy, diện tích lãnh thổ rộng như vậy, thế thì phải dùng phương pháp gì để thống trị đất nước? Các vị thử mở bản đồ đời nhà Đường ra thử xem, vô cùng quy mô, còn rộng lớn hơn so với Trung Quốc hiện nay. Cho nên ông rất thông minh, cho sưu tập kinh nghiệm, trí huệ của cổ nhân. Từ thời Tam hoàng Ngũ đế đến trước đời nhà Tấn, đây khoảng 2500 năm. Trí huệ, lý niệm, phương pháp, kinh nghiệm trị nước của Cổ thánh Tiên vương. Dùng những trước tác lưu truyền cho hậu thế thuộc mảng này. Sưu tập rồi, cho chép ra những mảng có liên quan đến tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Chép ra đưa cho ông làm tham khảo, đây chính là “Quần Thư Trị Yếu”. Tổng cộng cứ từng bộ sưu tập hết ra, sau cùng chọn ra được sáu mươi sáu loại. Từ trong sáu mươi sáu loại này, lại chọn ra những điều mà Đường Thái Tông cần, chép ra thành một bộ Quần Thư Trị Yếu, gồm năm trăm ngàn ngàn chữ. Ông có được sách này, mê mẫn không rời tay, suốt ngày từ sớm đến tối chỉ học cái thứ này, khiến cho bá quan văn võ trong triều đình lũ lượt đều cùng nhau học tập. Thời kỳ Trinh Quán Chi Trị, xuất hiện phụ thể của ông, chúng tôi có thấy trên đĩa, từ địa ngục thoát ra khổ đến không nói nên lời.

Chúng tôi tìm được bộ Quần Thư Trị Yếu, tôi đã tìm suốt ba năm nhưng chẳng ai biết. Nên trong lúc tôi giảng kinh có đề cập đến vấn đề này, có đồng học có thiện tâm, họ phát hiện ta. Tìm được hai bộ rồi gửi cho tôi, tôi mừng như bắt được báu vật. Tôi vừa xem thì thấy hai bộ sách này vẫn còn rất hoàn chỉnh, được in vào đầu đời Dân quốc. Đại khái vào trước năm 90, cũng gần một trăm năm, giấy đã rất giòn nhưng vẫn chưa bị rách, chữ còn rất rõ. Tôi liền giao cho Thư cục, bảo họ in cho tôi mười ngàn bộ, rồi gửi tặng cho thư viện đại học toàn thế giới. Thư viện quốc gia thâu tạng, thế thì không bao giờ lo bị thất truyền. Sách này vì sao lại thất truyền? Do triều Đường sau khi mất nước, du học sinh Nhật Bản đem sách này về nước của họ. Sách này vào thuở đó là bản chép tay, những người này “biết nhìn hàng”, biết rằng đây là bảo điển trị quốc của triều Đường nên mang về Nhật. Đã mang lại hiệu quả cho Nhật, cho nên Nhật Bản cũng có một ngàn năm trường trị cửu an, chính là nhờ vào cái này.

Tại sao hiện nay Nhật Bản không cần? Vì tiếp nhận văn minh vật chất của phương Tây. Người Nhật cũng muốn đi con đường tây hóa toàn diện, nên bỏ qua những thứ của Trung Quốc. Bản thân người Nhật không có văn hóa riêng, hoàn toàn là của Trung Quốc, từ chế độ ăn uống cho đến lễ tiết phục trang, tất cả đều học từ Trung Quốc. Nó có một ưu điểm cực kỳ tốt, chính là có thể duy trì trăm ngàn năm không đổi. Điều này chúng ta rất bội phục, chúng ta rất tán thán. Kiến trúc, tự viện, cung điện thời xưa vẫn còn giữ được phong cách vào triều Đường. Người ta sử dụng vật liệu khi cái điện đường nhà ở này hư rồi, họ thay một cái khác thì nhất định phải dùng loại vật liệu giống như vậy; nên vẫn còn giữ được đến ngày nay, còn giữ được màu sắc như thuở nào. Coi như bạn vẫn còn nhìn thấy được màu sắc, hương vị của người xưa. Thôn quê, tôi sống ở vùng quê của họ hai tháng; sinh hoạt của người dân dưới quê chẳng khác gì thời xưa, giống như trở về lại thời đại Đường, Tống vậy.

Người dân đúng thật là, đêm không cần đóng cửa, đi đường không nhặt của rơi. Dưới quê bán rau, người quê trồng rau họ rửa cho thật sạch, rồi đóng thành từng bó một, trên đó đính lên cái này bao nhiêu tiền, rồi để ở trong một cái lều nhỏ. Trong đó có một cái hộp đựng tiền, chẳng ai quản lý. Tối về thì họ đến gom tiền, đến dọn hàng; thật là đi đường không nhặt của rơi. Hàng là hàng thật, không có lừa gạt người, không giống với cái gọi là hiện đại hóa trong thành phố. Dưới nông thôn vẫn còn duy trì cuộc sống của hơn một ngàn năm về trước. Bởi vậy, thiện là “không tham, không sân, không si” có thể sanh hết thảy thiện pháp. Chúng ta còn phải thêm vào hai câu nữa là “không ngạo mạn, không hoài nghi”. Ngũ độc “tham, sân, si, mạn, nghi”, tất cả mọi thứ bất thiện, đều từ đây mà sanh ra. Ngũ độc ứng đối với hoàn cảnh sẽ tạo thành tai nạn.

Trong kinh Phật nói rất rõ: “**Tâm tham chiêu cảm nên thủy tai**”, nước sông hồ tràn ngập mênh mông, nào là sóng thần rồi nước biển dâng cao, thì tâm tham chính là nguyên nhân. “**Sân hận chiêu cảm lấy hỏa tai**”, núi lửa bùng phát, nhiệt độ trái đất cứ nóng dần lên, đó là do sân hận. “**Ngu si chiêu cảm phong tai**”, những trận bão gió khốc liệt chẳng hạn như lốc vòi rồng, bão đều mang đến thảm họa rất tàn khốc. “**Ngạo mạn chiêu cảm địa chấn; hoài nghi chiêu cảm núi lở đất sụp**”, hiện tượng núi lở ngày nay gọi là “nê thạch lưu”. Thời xưa rất hiếm khi có chuyện đất sụp; trong lịch sử có ghi chép, chỉ là đôi khi thỉnh thoảng mới thấy. Còn bây giờ thì chỗ nào cũng vậy, ở Trung Quốc, nước ngoài, cả một vùng đất rộng lớn tự nhiên sụp xuống. Đây là gì? Là hoài nghi. Cho nên, “***thành thục Bồ Tát vô biên thiện căn***”, câu này rất quan trọng, chúng ta phải học tập. Nếu như chúng ta đầy đủ năm loại thiện căn “không tham, không sân, không si, không hoài nghi, không ngạo mạn”, thân tâm của chúng ta sẽ khỏe mạnh, ít bệnh ít phiền não, thậm chí là không bệnh, không phiền. Nơi chúng ta sinh sống không bao giờ có tai nạn, cái này phải tin mới được. Một người cũng có thể khởi được tác dụng rất lớn, nếu như khu vực ấy có mười mấy, hai mươi người tu hành chân chính, vậy thì khu vực này không bao giờ có tai nạn. Thiện tâm, thiện hạnh, loại người này sẽ được Phật Bồ Tát hộ niệm, được Phật Bồ Tát bảo hộ.

Đoạn phía dưới: “**Phật hộ, vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm**”, câu này là lời thật, một chút cũng không giả. “**Hộ niệm là giữ gìn, ức niệm**”, Phật Bồ Tát bảo hộ. Người thường nghĩ đến, nhớ đến Phật Bồ Tát, người này là người có phước, gia đình có phước, thôn xóm này có phước, khu vực ấy có phước. Chúng ta đến cõi đời này ngắn ngủi chỉ vài chục năm, có bao giờ mọi người nghĩ mình đến đây để làm gì không? Vì sao lại đến cõi này? Chúng ta không có đáp án nhưng Phật thì có, Phật nói ra một câu bảo là: “**Nhân sinh thù nghiệp**”. Vì sao bạn lại đến đây? Vì đời quá khứ bạn tạo nghiệp, bây giờ bạn đến để trả cái nghiệp ấy. Đời trước làm thiện thì kiếp này đến hưởng phước; đời trước làm ác thì kiếp này đến chịu tội. Chứ chẳng có gì khác, chỉ là nhân - quả báo ứng; oan oan tương báo chẳng bao giờ ngừng dứt, cứ đời đời kiếp kiếp như thế. Nếu như chúng ta khởi ý niệm này, muốn tìm nguyên nhân của nó, tại sao lại như vậy? Tôi từ rất sớm là đã nghĩ đến vấn đề này. Mười bốn tuổi thì tôi bị thất học, lên được sơ trung thì không được đi học nữa. Vì sao vậy? Vì không đóng nổi tiền học phí do nhà quá nghèo. Tôi phải tự mình tìm một công việc để tự mình nuôi sống mình. Lúc đó tôi vẫn còn nhớ, hình như một tháng, đại khái chỉ được khoảng mười đồng. Mười đồng là tương đối nhiều rồi, trừ sinh hoạt phí của bản thân, tôi còn có thể để dành ra được vài đồng. Cực kỳ tiết kiệm, vẫn có thể tiết kiệm được ba, bốn đồng để biếu cho mẹ.

Mỗi ngày lúc rãnh rỗi, tôi thường ngồi dưới gốc cây bên bờ sông, ở đó mà suy nghĩ. Vì tôi thích đi học, nên tôi muốn làm sao khiến cho trẻ em khắp thiên hạ không vì cảnh nhà túng bấn mà thất học. Tôi nghĩ đến vấn đề này, nghĩ ra được chỉ có quốc gia đến làm trường học, quốc gia sẽ lo tiền học của trường. Bước vào trường học này thì cơm áo gạo tiền sẽ do quốc gia lo liệu, nhân dân cả nước không bao giờ vì cảnh nhà thiếu thốn mà thất học. Chi phí này phải lấy nguồn từ đâu? Tôi cũng đã nghĩ đến, quốc gia có thể thu phí giáo dục, chẳng hạn như quốc gia có thể quy định thu 10% thu nhập của bạn, bất kể bạn có con hay không. Phải trích ra 10% để đóng vào phí giáo dục, chi phí này hoàn toàn để lo cho học sinh. Từ tiểu học đến đại học không cần phải đóng học phí, mà còn được lo chỗ ăn chỗ ở. Năm ngoái, tôi đến thăm Srylanka, đã thấy được ở Srylanka. Không ngờ đất nước họ lại làm được rồi, hoàn toàn giống như những gì mà tôi suy nghĩ.

Cho nên, tôi rất bội phục đối với Tổng thống, tôi nói: “*Chi phí của đất nước các vị, có phải đưa chi phí giáo dục xếp lên hàng đầu phải không?*”. Họ nói: “*Phải*”. Phí chi cho giáo dục còn nhiều hơn chi phí quốc phòng nữa, giáo dục đặt lên làm đầu. Thật khó được! Cho nên đất nước này tuy rằng nhỏ nhưng nó có tiền đồ. Tôi giúp họ xây dựng một đại học Phật giáo, còn hy vọng mai này có thể xây dựng một cái đại học tôn giáo, để đoàn kết tôn giáo toàn thế giới. Vì thế, quốc gia quả thật phải chú trọng đến giáo dục, bạn mới có thế hệ sau, bạn mới có nhân tài ưu tú xuất hiện. Đây là điều thật sự vô cùng cần thiết. Chi phí của những mảng khác như thế nào đều có thể cắt giảm một chút, nhưng giáo dục thì không được. Mục đích của giáo dục, Trung Quốc từ xưa đến nay, mãi đến cuối triều Thanh, mục đích của giáo dục là cho ra Thánh hiền Quân tử. Bồi dưỡng kiểu nhân tài gì? Là Thánh hiền Quân tử. Thánh hiền Quân tử vì quốc gia phục vụ, đều là vì đất nước.

Hôm nay nói, đến nhân viên công chức, các cấp lãnh đạo, cán bộ các cấp, nếu như người lãnh đạo quốc gia là Thánh nhân, còn người lãnh đạo các cấp chính phủ là Hiền nhân, nhân viên công tác đều là Quân tử thì quốc gia này có thể không cường thịnh được sao! Nếu như không đạt đến địa vị này, chưa đạt đến Quân tử, vậy thì hãy dạy họ làm một người tốt, để họ học một loại chức nghiệp (một loại công việc). Thời xưa là học nông, công, thương; mai này họ có thể tự mình kinh doanh, buôn bán, tự trang trải cuộc sống của họ và gia đình. Cái này, gọi là căn tánh thuộc vào hàng tương đối hạ liệt, thì cho họ học một chút tri thức để có thể áp dụng vào cuộc sống, để họ có được một phẩm đức lương thiện. Còn như những người có khả năng lý giải, có sức nhớ tốt, hãy giúp họ trở thành Quân tử, thành Hiền nhân, thành Thánh nhân. Giáo dục thời xưa, mục tiêu của nó vô cùng rõ ràng. Việc này quốc gia đến trợ giúp, trước kia là gia đình hỗ trợ.

Trung Quốc không phải là nước lấy người làm gốc, mà là nước lấy nhà làm gốc. Trung Quốc…cái gia đình này, đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc đã làm ra cống hiến lớn nhất. Bởi vì, giáo dục là do gia đình phụ trách, dưỡng lão cũng là do gia đình gánh vác. Tuổi già rồi thì về hưu, lá rụng về cội thì trở về quê nhà, thật sự an hưởng niềm vui sum vầy gia đình (thiên luân chi lạc), về nhà dưỡng lão. Con cháu trong nhà (hàng vãn bối) ít nhất cũng có đến bảy, tám chục đứa, nhiều có khi có hơn một trăm đứa. Ngày ngày đều cùng vui đùa với mấy đứa cháu này, thật là vui! Nơi người già tụ tập chính là từ đường. Từ đường một năm chỉ dùng có hai lần, bình thường đều là để trống, chính là lễ cúng tế vào mùa xuân được tổ chức ở từ đường. Từ đường là nơi tập trung chung của mọi người. Các bạn nhỏ sẽ học ở từ đường, trường học được thiết kế ngay tại từ đường; mà nơi chăm sóc người già cũng được thiết kế ở từ đường. Vì vậy, người già cùng với các cháu nhỏ thường ở chung với nhau. Các cháu nhỏ tan học thì đến chỗ của các cụ; các cụ sẽ kể chuyện cho chúng nghe, dạy dỗ chúng, đem kinh nghiệm của cả đời mình truyền lại cho chúng. Nói mãi không hết chuyện, gia đình như vậy thật có niềm vui.

Vì vậy, gia đình lớn có lợi thế của gia đình lớn, nói đến khuyết điểm của nó là gì? Chính là lắm quy tắc, không có tự do. Vì sao phải nhiều quy tắc vậy? Vì nếu không có quy tắc, ắt sẽ loạn ngay. Cho nên, tinh thần tuân giữ phép tắc của người Trung Quốc là học từ gia đình mà ra, từ nhỏ là đã học quy tắc rồi. Trẻ con ba tuổi là đã rất hiểu quy cũ rồi, chúng có khả năng phân biệt được phải – trái, thiện - ác. Cái gì đúng đắn thì chúng thích, còn mặt trái thì chúng sẽ bài trừ, ba tuổi là có cái năng lực ấy rồi. Nước ngoài không có, cả một tuổi thơ của trẻ con nước ngoài là thiên đường. Đến khi đi học thì là cạnh tranh, bước vào thế giới tranh giành, đấu đá. Đến tuổi già thì là nấm mồ, thật là đáng thương! Người Trung Quốc thì ngược lại, tuổi thơ thì chẳng có chút tự do nào; nhất cử nhất động đều phải tuân giữ nề nếp, phải dưỡng thành thói quen giữ phép tắc. Đến khi đi học, có được thành tựu rồi thì phục vụ cho quốc gia, phụng hiến cho đất nước, phụng hiến cho xã hội. Đến tuổi già thì về nhà dưỡng lão, niềm hạnh phúc vui vẻ nhất chính là lúc tuổi già, lấy nhà làm trung tâm, lấy nhà làm vinh.

Ta sanh ra trong đời này để làm gì? Là để vinh Tông diệu tổ, quang vinh gia tộc. Mục tiêu chính là ở chỗ này, hướng về đây mà nỗ lực, cạnh tranh bình đẳng, cạnh tranh đồng đều. Ta thích Chu dịch thì cả đời sẽ hạ công phu ngay đây, có thể từ một môn này trở thành ngôi sao sáng ngay thời ấy. Người khác thích thượng thư, học thuật của Trung Quốc rộng lớn không có biên giới, bạn xem Tứ Khố Toàn Thư. Bạn học một môn, cả đời học môn này, bạn là đỉnh cao. Kết quả là sao? Thì mỗi người đều là đỉnh cao. Thế thì sao? Thì sẽ không có đố kỵ, chướng ngại. Tôi từ sớm đã có cách nghĩ này.

Một bộ Đại tạng kinh có hơn ba ngàn bộ kinh, mỗi người chuyên công vào một bộ, vậy là có hơn ba ngàn người. Đây sẽ là một bộ Đại tạng kinh sống, mỗi người đều là bình đẳng, mỗi người đều là bậc thầy. Bạn là bậc thầy kinh Vô Lượng Thọ, họ là bậc thầy kinh Kim Cang, người kia là bậc thầy của Pháp Hoa. Người người đều là bậc thầy đỉnh cao, người người đều là đệ nhất chứ không có đệ nhị. Phương pháp này tôi có giới thiệu với Pháp sư Tinh Vân, nhưng thầy ấy không chịu. Tháng trước, tôi đến Đài Loan điều dưỡng sức khỏe, có một đồng học là một pháp sư xuất gia đến thăm tôi, nói với tôi: Pháp sư Tinh Vân bây giờ rất hối hận, lúc đó đã không cùng tôi liên kết hợp tác. Chứ nếu chúng ta bắt tay hợp tác, tôi dám chắc chí ít có thể đào tạo được hai mươi đến ba mươi pháp sư giảng kinh. Thành tựu mỗi người không bao giờ thấp hơn tôi, tôi tin có rất nhiều người còn vượt trội hơn tôi, thế thì Phật quang liền phổ chiếu toàn cầu rồi.

Duyên phận chẳng dễ gì có được, nhưng rất dễ mất đi. Duyên của chúng tôi lần đầu tiên là ở Phật Quang Sơn; cái duyên lần thứ hai là ở cư sĩ Lý Mộc Nguyên. Singapore, tôi ở đó tổ chức một lớp bồi huấn, lớp bồi huấn nhân tài hoằng pháp. Làm thực nghiệm trong thời gian ngắn, tôi nói với Lý Mộc Nguyên. Sau khi tổ chức lớp này, mọi người tin tưởng rồi. Chúng ta sẽ làm viện Phật học, không ngờ ông ấy không đủ nhiệt tình với việc bồi dưỡng nhân tài, thế là tôi rời khỏi Singapore đến Úc. Lúc đó, chi phí sinh hoạt của Singapore quá cao, nhất là mảng nhà cửa, địa ốc. Chúng tôi ở nơi đó không cách gì trụ vững được. Nơi đó tấc đất tấc vàng, chúng tôi chỉ có thể đến Úc phát triển. Úc Châu đất rộng người thưa, đất đai rất rẻ. Chúng tôi ở Úc mua lại một cái giáo đường, còn mua lại rất nhiều nhà ở bên cạnh. Đã tốn bao nhiêu tiền? Tiền Úc là hơn một triệu, nếu như ở Singapore có tốn hai mươi triệu cũng mua không được. Ở Úc thì chỉ cần hơn một triệu là đủ rồi, tiền Úc cũng ngang ngửa với Singapore. Tiền Úc thì cao hơn một chút, cho nên lúc đó chúng tôi ở Úc chỉ dùng hết khoảng ba triệu đô mỹ.

Hôm nay các vị đến bên đó xem thử học viện Tịnh tông. Chúng tôi ở bên đó mua được hơn một ngàn mẫu đất, là mẫu Anh. So với Trung Quốc thì khoảng hơn mười ngàn mẫu, sáu mẫu của Trung Quốc là một mẫu Anh. Chúng tôi đại khái có khoảng một ngàn năm trăm mẫu anh, số đất này chúng tôi đang nghiên cứu dùng để phát triển nông nghiệp. Bản thân chúng tôi không biết làm nông, chúng tôi bèn tìm nông dân, rồi trả công cho họ. Bởi vì họ trồng trọt bằng máy móc, cho nên số người cần cho trồng trọt cũng không nhiều. Một diện tích lớn như vậy chỉ cần một, hai chục người là có thể chăm lo chu toàn rồi. Chúng tôi hy vọng mai đây có thể làm được, tự cung tự cấp. Tất cả chi phí dùng trong sinh hoạt thường trụ đều lấy từ việc trồng trọt, không còn nương vào tín đồ.

“***Thân an tắc đạo thịnh***”, tu đạo thì phải nên như vậy. Trung Quốc thời xưa, chùa chiền đều có ruộng đất, đều có rừng trên núi. Sau đó đem cho nông dân thuê, sau khi thu hoạch thì nông dân sẽ chia phần với tự viện. Sinh hoạt của tự viện chính là nhờ vào cái này, cho nên Trung Quốc trước kia, kinh tế tự viện có nguồn gốc từ đây. Các đại phú trưởng giả quyên góp cho chùa là ruộng đất, với núi rừng. Trên núi cũng có thể trồng cây, đều có thể dùng để sản xuất, cho nên họ có thể tự cung tự cấp. Chùa có một môi trường thanh tịnh, bạn bước vào chùa sẽ có vị tri khách chuyên phụ trách tiếp đãi. Không phải vị tri khách, thì người ta có thấy bạn cũng không có chuyện đến chào hỏi, chẳng bao giờ để ý đến bạn. Có vị tri khách chuyên phụ trách cái mảng này, tâm là định giống như một cái đạo tràng tu hành vậy. Hiện giờ không còn nữa rồi, không có nguồn kinh tế, hoàn toàn đều là dựa vào tín đồ quyên góp.

Cho nên, đối với tín đồ đều phải tiếp đãi vô cùng khách sáo, không dám đắc tội nhất là những người giàu có sang cả. Thế thì sao? Thì đạo tâm chẳng còn, mà đạo hạnh cũng suy. Điều này, khiến cho vô vàn người không nhìn ra được diện mạo thật sự của “Phật - pháp - tăng” thời xưa, đây là tiên sinh Phương Đông Mỹ nói. Hai trăm năm trước, tự viện am đường vào hai trăm năm trước, là trường học, không có nơi nào là không giảng kinh, không có ai là không chăm chỉ tu hành. Thật sự nỗ lực tu, chính là phải quản cho tốt, “thân, khẩu, ý” của bản thân phải trụ ngay nơi chánh niệm; tà niệm, tà tri kiến, biên kiến đều phải buông xả. Học Phật có thể học Nho, mà cũng có thể học Đạo. Trung Quốc biết bao năm qua, về hình thức thì có ba nhà “Nho, Thích, Đạo”, nhưng thực chất thảy đều phải học. Người học Đạo họ cũng đọc kinh Phật, người học Nho cũng đọc kinh Phật, mà người học Phật cũng học Nho với học Đạo. Hiện nay, chúng ta dùng “Nho, Thích, Đạo” để cắm gốc. Đệ Tử Quy là Nho, Cảm Ứng Thiên là Đạo, Thập Thiện Nghiệp Đạo kinh là Phật. Đồng thời cắm ba cái gốc này, gốc càng sâu càng tốt.

Phật hộ niệm, chư Phật hộ niệm. “**Sách Hội Sớ giảng: Hộ (護) là che chở, gìn giữ; niệm (念) là nghĩ nhớ. Tịnh Ảnh Sớ giảng: Giữ gìn (hộ) khiến cho lìa ác; niệm khiến cho tăng trưởng thêm lên. Hai câu này đều là lời khen ngợi các vị Bồ Tát ở trong Hội. Tuân tu Phổ Hiền đức, khiến cho các Bồ Tát đều thành thục vô biên thiện căn. Do đó, chư Phật đều cùng hộ niệm**”. Câu này rất quan trọng, câu sau cùng là lời của cụ Hoàng Niệm. Cụ là do xem chú giải của bản Hội Sớ, chú giải của Tịnh Ảnh Sớ, vì cảm được nên nói lên những lời ấy. Chúng trong hội này nhất định phải tuân tu theo đức của ngài Phổ Hiền, đức của Phổ Hiền chính là mười Đại Nguyện Vương. Mười Đại Nguyện Vương, gốc của nó chính là phải mở rộng tâm lượng. Bồ Tát Phổ Hiền cùng với Bồ Tát thông thường có gì khác biệt? Chính là những thứ học được khác nhau, mà tâm lượng cũng khác. *Phổ* là phổ biến, biến Pháp giới hư không giới không sót một nơi nào. Dùng lời hiện nay của chúng ta, chính là toàn bộ vũ trụ; vũ trụ không có ngằn mé.

“***Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội***”, đây là cái gì? Là tánh đức. Tự tánh không có trong ngoài, sở biến của tự tánh là Pháp tánh thân và Pháp tánh độ cũng không có trong ngoài. Còn sở biến của A lại da thì có hạn, có giới hạn; có giới hạn là pháp sanh diệt, không có giới hạn thì gọi là tánh, tương ứng với Pháp tánh, cho nên chư Phật hộ niệm. Đức của Pháp tánh có thể dung hòa với mười nguyện Phổ Hiền, mười nguyện là không thể nghĩ bàn. Đồng học học tập của chúng ta, có vài vị rất hiếm có. Phẩm thứ hai “Đức Tuân Phổ Hiền”, vừa mở đầu là mười sáu vị Đẳng Giác Bồ Tát tại gia, vì chúng ta biểu pháp. Ý nghĩa biểu pháp vô cùng thâm sâu, nhiều đồng học có thể nhìn ra được. Nó tương ưng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, cũng tương ưng với năm mươi ba tham trong kinh Hoa Nghiêm, tương ưng với mười Đại Nguyện Vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Điều này rất khó được.

“***Tương ưng***”, kinh Hoa Nghiêm có nói: “**Một tức là nhiều, nhiều tức là một**”. Chân thật, có thể gọi là vô lượng vô biên chúng Bồ Tát. Hết thảy thiện căn đều có thể thành thục, thành thục thiện căn liền được chư Phật hộ niệm. Không có thiện căn, nếu như nói là vẫn còn rất nhiều mặt xấu, tương ứng với điều bất thiện, đồng nghĩa tương ứng với ma vương. Làm ác cũng có người hộ pháp, ai là thần hộ pháp vậy? Là yêu ma quỷ quái đến hộ pháp, đến hộ trì cho bạn. Chánh pháp thì có thiên long thiện thần. Tâm chúng ta là chánh, hành là chánh, cho nên cảm được là chánh pháp, điểm này rất quan trọng!

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**